

QUYỀN TÀI PHÁN ĐỐI VỚI TỘI PHẠM VỀ MA TÚY - SO SÁNH QUY ĐỊNH CỦA CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ KIỂM SOÁT MA TÚY VỚI PHÁP LUẬT VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA *

Theo quan niệm truyền thống về chủ quyền, mọi tội phạm thực hiện trên lãnh thổ quốc gia thuộc quyền tài phán tối cao và tuyệt đối của quốc gia đó. Việc các quốc gia không truy tố và xét xử tội phạm thực hiện bên ngoài lãnh thổ đã tạo cơ hội cho không ít kẻ phạm tội trốn thoát sự trừng phạt của pháp luật. Ý thức được điều này, các quốc gia đã cam kết thực hiện quyền tài phán đối với cả tội phạm thực hiện ngoài lãnh thổ của họ và trong một số trường hợp chuyển giao người phạm tội cho nước khác xét xử nếu việc xét xử ở nước đó thuận lợi hơn trong việc thực thi công lí. Trong xu thế đó, các công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy đã có những quy định cụ thể về trách nhiệm của quốc gia trong việc xác lập và thực hiện quyền tài phán đối với tội phạm về ma túy thực hiện trong và ngoài lãnh thổ quốc gia.⁽¹⁾ Bài viết này phân tích các quy định về quyền tài phán đối với tội phạm liên quan đến ma túy tại các công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy và so sánh với các quy định tương ứng của Việt Nam. Từ góc nhìn so sánh, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự của Việt Nam.

1. Quy định về quyền tài phán đối với tội phạm về ma túy tại công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961 (Công ước năm 1961)

1.1. Quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện trên lãnh thổ quốc gia

Điều 36(2)(a)(iv) Công ước năm 1961

yêu cầu các quốc gia thành viên thực hiện quyền tài phán đối với mọi tội phạm liên quan đến chất ma túy thực hiện trên lãnh thổ của quốc gia, không phân biệt tội phạm đó được thực hiện bởi công dân của nước sở tại hay người nước ngoài. Như vậy, theo quy định này, cơ sở đầu tiên để các quốc gia xác lập quyền tài phán là nguyên tắc lãnh thổ (the principle of territoriality). Nguyên tắc này đã hình thành lâu đời trong tập quán quốc tế và được thừa nhận rộng rãi; nó phản ánh mối liên hệ rõ rệt nhất giữa quốc gia và tội phạm, phản ánh chủ quyền quốc gia.

Để các quốc gia có thể truy cứu và xét xử hành vi phạm tội thực hiện trên lãnh thổ của họ một cách độc lập với việc truy tố và xét xử các hành vi đồng phạm diễn ra trên lãnh thổ các quốc gia khác, Điều 36(2)(a)(i) Công ước năm 1961 cho phép các quốc gia coi hành vi phạm tội thực hiện trên lãnh thổ của họ là một tội phạm độc lập. Ví dụ: Trong trường hợp A ở nước X lập kế hoạch cùng với B ở nước Y vận chuyển 10 kg heroin từ nước X sang nước Y; nước X có thể truy tố và xét xử A mặc dù nước Y không truy tố B. Bên cạnh ý nghĩa tích cực như đã nêu, quy định này có thể dẫn đến hệ quả xét xử kép (double jeopardy).⁽²⁾ Ví dụ: A vận chuyển

* Tổng công ti hàng không Việt Nam

trái phép 10 kg heroin từ nước X qua nước M, nước N vào nước Y, vậy cả hai quốc gia M và N đều có thể xét xử A về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Chính vì tiềm ẩn nguy cơ xét xử kép đối với cùng một hành vi nên quy định đã nêu của Công ước năm 1961 không có hiệu lực bắt buộc, các quốc gia có thể không vận dụng nếu luật hình sự của họ không cho phép.

Cần phải lưu ý rằng mặc dù nguyên tắc lãnh thổ đã được thừa nhận rất rộng rãi nhưng quy định tại Điều 36(2)(a)(iv) Công ước năm 1961 không có hiệu lực tuyệt đối. Các quốc gia không có nghĩa vụ phải truy tố và xét xử tội phạm về ma túy thực hiện trên lãnh thổ của họ nếu hiến pháp, các nguyên tắc cơ bản và các quy định cụ thể của pháp luật quốc gia không cho phép thực hiện.⁽³⁾ Nói cách khác, các quốc gia có thể viện dẫn nội luật để không thực hiện quyền tài phán đối với tội phạm về ma túy thực hiện trên lãnh thổ của họ. Đây là điểm hạn chế của Công ước năm 1961. Ngoài ra, Công ước năm 1961 còn hạn chế ở chỗ chỉ yêu cầu các quốc gia thành viên xác lập và thực hiện quyền tài phán đối với các “tội phạm nghiêm trọng” (serious offences). Như vậy, các quốc gia không có nghĩa vụ truy tố và xét xử tội phạm ma túy ít nghiêm trọng. Ở một góc độ nhất định, quy định này cung cấp cơ hội tẩu thoát cho những kẻ phạm tội.⁽⁴⁾ Hơn nữa, do cụm từ “tội phạm nghiêm trọng” không được định nghĩa trong Công ước mà giải thích theo pháp luật của nước sở tại nên các nước có thể sử dụng nó như lí do để từ chối truy cứu trách nhiệm hình sự kẻ phạm tội.

1.2. Quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện ngoài lãnh thổ quốc gia

Bên cạnh việc yêu cầu các quốc gia thực hiện quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện trên lãnh thổ quốc gia, Điều 36(2)(a)(iv) Công ước năm 1961 còn yêu cầu các quốc gia nơi phát hiện được người phạm tội tiến hành truy tố và xét xử nếu không đồng ý dẫn độ người phạm tội. Quy định này bị cho là quá “tham vọng” vì yêu cầu các quốc gia thực hiện quyền tài phán kể cả khi tội phạm xảy ra bên ngoài lãnh thổ trong khi người phạm tội không phải là công dân của họ và tội phạm không nhằm đến việc gây thiệt hại trên lãnh thổ của quốc gia đó. Nói cách khác, các quốc gia được yêu cầu thực hiện quyền tài phán ngay cả khi giữa họ và tội phạm không có mối liên hệ nào. Cần phải nhấn mạnh rằng thông thường các quốc gia căn cứ vào một số liên hệ với tội phạm hoặc người phạm tội để xác lập quyền tài phán. Ví dụ: Tội phạm hoặc hậu quả của tội phạm xảy ra trên lãnh thổ của nước sở tại, người phạm tội hoặc nạn nhân của tội phạm là công dân của nước sở tại hoặc tội phạm gây thiệt hại đến lợi ích của nước sở tại. Sự thiếu vắng mối liên hệ cần thiết giữa quốc gia và tội phạm như đã phân tích ở trên làm cho các quốc gia ngần ngại trong việc xác lập quyền tài phán đối với tội phạm, do vậy quy định tại Điều 36(2)(a)(iv) Công ước năm 1961 không được áp dụng trên thực tế.⁽⁵⁾

Cũng cần phải lưu ý rằng theo quy định tại Điều 36(2)(a)(iv) Công ước năm 1961, các quốc gia không phải truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội xuất hiện trên lãnh thổ của họ nếu người phạm tội đã bị

truy cứu hoặc xét xử về cùng một hành vi. Ngoài ra, việc truy cứu và xét xử sẽ được thực hiện theo pháp luật của nước sở tại, kể cả pháp luật về hình thức và nội dung.⁽⁶⁾

2. Quy định về quyền tài phán đối với tội phạm về ma túy tại Công ước về các chất hướng thần năm 1971 (Công ước năm 1971)

Các quy định của Công ước năm 1971 về quyền tài phán đối với tội phạm về chất hướng thần được xây dựng trên mô hình của Công ước năm 1961. Điều 22(2)(a)(iv) Công ước năm 1971 lập lại toàn bộ nội dung của Điều 36(2)(a)(iv) Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961 (như đã bình luận ở trên). Sự giống nhau giữa hai công ước có ưu điểm là tạo điều kiện cho các quốc gia áp dụng cùng một cách tiếp cận đối với việc xác lập và thực hiện quyền tài phán đối với tội phạm về chất ma túy cũng như tội phạm về chất hướng thần.

3. Quy định về quyền tài phán đối với tội phạm về ma túy tại Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988 (Công ước năm 1988)

3.1. Quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện trên lãnh thổ quốc gia

Công ước năm 1988 củng cố và phát triển đáng kể những quy định về quyền tài phán đối với tội phạm liên quan đến ma túy trong Công ước năm 1961 và năm 1971. Công ước năm 1988 cũng yêu cầu các quốc gia phải truy tố và xét xử tội phạm về ma túy thực hiện trên lãnh thổ của họ⁽⁷⁾ tuy nhiên tiến xa hơn các công ước trước, Công ước năm 1988 không cho phép các quốc gia viện dẫn hiến pháp cũng như các nguyên tắc cơ bản của hệ thống luật quốc gia để từ chối truy tố và xét

xử tội phạm đã thực hiện trên lãnh thổ của họ. Hơn nữa, Công ước năm 1988 yêu cầu các quốc gia phải xác lập và thực hiện quyền tài phán đối với các tội phạm về ma túy thực hiện trên lãnh thổ mở rộng (quasi-territory hay floating territory) (bao gồm cả tàu biển mang cờ của quốc gia đó và tàu bay đăng kí theo luật pháp của họ).⁽⁸⁾ Hơn nữa, khắc phục hạn chế của Công ước năm 1961 và năm 1971 về việc chỉ yêu cầu các quốc gia thành viên truy tố và xét xử “tội phạm nghiêm trọng”, Công ước năm 1988 yêu cầu các quốc gia phải thực hiện quyền tài phán đối với tất cả các tội phạm về ma túy quy định tại Điều 3(1) của Công ước,⁽⁹⁾ nghĩa là chỉ ngoại trừ hành vi cố ý sử dụng, tàng trữ hoặc trồng cây có chứa chất ma túy hoặc chất hướng thần phục vụ cho nhu cầu cá nhân.

3.2. Quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện ngoài lãnh thổ quốc gia

Công ước năm 1988 không bắt buộc các quốc gia phải xác lập quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện bên ngoài lãnh thổ mà chỉ đưa ra một số quy định mềm dẻo và đưa ra một số căn cứ để dựa vào đó các quốc gia có thể xác lập quyền tài phán đối với tội phạm. Căn cứ đầu tiên là nguyên tắc quốc tịch (principle of nationality). Theo Điều 4(1)(b)(i), các quốc gia có thể xác lập quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện bên ngoài lãnh thổ nếu người phạm tội là công dân của họ. Ngoài ra, các quốc gia cũng có thể xác lập quyền tài phán đối với tội phạm được thực hiện bởi người cư trú thường xuyên trên lãnh thổ của họ. Trong thực tiễn, nguyên tắc quốc tịch được áp dụng rộng rãi ở các nước theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa còn các nước theo hệ thống pháp luật Anh - Mĩ thường

không xét xử tội phạm thực hiện ngoài lãnh thổ mà dẫn độ công dân của họ cho quốc gia nơi tội phạm được thực hiện.⁽¹⁰⁾ Khái niệm “công dân” và “người cư trú thường xuyên” do pháp luật quốc gia điều chỉnh.

Điều 4(1)(b)(ii) Công ước năm 1988 còn quy định một căn cứ khác để các quốc gia xác lập quyền tài phán đối với tội phạm về ma túy. Trước hết, theo Điều 17(4) Công ước, khi một quốc gia có căn cứ để nghi ngờ tàu biển mang cờ của quốc gia khác tham gia vào việc buôn bán trái phép ma túy khi thực hiện quyền đi lại tự do trên biển cả, dựa trên sự thỏa thuận với quốc gia mà tàu biển mang cờ, quốc gia này có thể tiến hành một số biện pháp ngăn chặn như tiếp cận tàu, khám xét người và hàng hóa trên tàu. Tiếp theo, theo Điều 4(1)(b)(ii), nếu xác định có hành vi phạm tội về ma túy, dựa trên sự thỏa thuận với quốc gia mà tàu biển mang cờ, quốc gia đã khám xét có thể xác lập quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện trên tàu. Quy định này được đánh giá cao vì mở ra một căn cứ mới cho các quốc gia trong việc xác lập quyền tài phán đối với tội phạm. Yếu tố thỏa thuận giữa quốc gia đã thực hiện các biện pháp ngăn chặn với quốc gia mà tàu biển mang quốc tịch là rất quan trọng. Quốc gia phát hiện ra tàu biển tham gia vào buôn lậu chỉ có thể tiếp cận tàu, tiến hành các biện pháp ngăn chặn và xác lập quyền tài phán đối với tội phạm trên cơ sở thỏa thuận với quốc gia tàu biển mang cờ.⁽¹¹⁾

Căn cứ cuối cùng để các quốc gia xác lập quyền tài phán đối với tội phạm về ma túy là nguyên tắc bị xâm hại (principle of effect). Theo Điều 4(1)(b)(iii) Công ước năm 1988, quốc gia có thể xác lập quyền tài phán đối với các hành vi phạm tội thực hiện bên ngoài

lãnh thổ nhưng nhằm thực hiện một tội phạm về ma túy trên lãnh thổ của họ. Quy định này cung cấp cơ sở pháp lý cho các quốc gia truy tố và xét xử những hành vi chuẩn bị thực hiện tội phạm về ma túy ở nước ngoài. Cần lưu ý rằng theo nguyên tắc lãnh thổ, những hành vi này cũng thuộc quyền tài phán của quốc gia nơi tội phạm đã được thực hiện, như vậy quy định tại Điều 4(1)(b)(iii) có thể dẫn đến sự tranh chấp về quyền tài phán.

3.3. Nguyên tắc xét xử hoặc chuyển giao (the principle of aut dedere aut judicare)

Giống như Công ước năm 1961 và năm 1971, Công ước năm 1988 cũng yêu cầu các quốc gia thành viên nơi tìm thấy người phạm tội phải thực hiện quyền tài phán nếu từ chối dẫn độ. Như phân tích ở trên, quy định chung chung với sự thiếu vắng mối liên hệ cần thiết giữa quốc gia với tội phạm hoặc người phạm tội trong các công ước trước đã làm cho các quốc gia cảm thấy khó khăn trong việc xác lập quyền tài phán đối với người phạm tội. Để củng cố nguyên tắc này, Công ước năm 1988 bổ sung thêm một số quy định cụ thể. *Thứ nhất*, nếu các quốc gia từ chối dẫn độ vì người phạm tội là công dân của họ thì buộc phải truy tố và xét xử người phạm tội đó. *Thứ hai*, nếu quốc gia từ chối dẫn độ người phạm tội vì những lý do khác ngoài nguyên tắc lãnh thổ và nguyên tắc quốc tịch (ví dụ: Vì có khả năng người phạm tội sẽ bị tử hình hoặc bị phân biệt đối xử) thì họ không buộc phải thực hiện quyền tài phán đối với tội phạm. Với quy định này, các quốc gia được quyền cân nhắc những mối liên hệ cần thiết giữa họ với tội phạm để xác lập quyền tài phán đối với tội phạm.

Tóm lại, theo các quy định trong Công

ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp ma túy năm 1988, các quốc gia thành viên phải tiến hành truy cứu và xét xử tội phạm về ma túy thực hiện trên lãnh thổ của họ. Bên cạnh đó, các quốc gia có thể xác lập và thực hiện quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện ngoài lãnh thổ căn cứ vào nguyên tắc quốc tịch (người phạm tội là công dân của họ), nguyên tắc bị xâm hại (hành vi phạm tội xảy ra ngoài lãnh thổ của họ nhưng nhằm thực hiện một tội phạm về ma túy trên lãnh thổ của họ) hoặc dựa trên sự thỏa thuận với quốc gia mà tàu biển phạm pháp mang quốc tịch. Ngoài ra, để ràng buộc trách nhiệm của các quốc gia trong việc truy tố và xét xử tội phạm, Công ước năm 1988, trên cơ sở kế thừa quy định của các Công ước trước, còn áp dụng nguyên tắc dẫn độ hoặc xét xử.

4. Quy định về quyền tài phán đối với tội phạm về ma túy trong pháp luật hình sự Việt Nam

4.1. Quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện trên lãnh thổ quốc gia

Xuất phát từ nguyên tắc chủ quyền quốc gia, Việt Nam cũng thực hiện quyền tài phán đối với mọi tội phạm thực hiện trên lãnh thổ quốc gia, không phân biệt công dân Việt Nam, người nước ngoài hay người không có quốc tịch.⁽¹²⁾ Riêng người nước ngoài thuộc đối tượng được hưởng các quyền miễn trừ ngoại giao hoặc quyền ưu đãi và miễn trừ về lãnh sự thì vấn đề trách nhiệm hình sự của họ sẽ được giải quyết bằng con đường ngoại giao. Như vậy, tương tự như các công ước quốc tế về kiểm soát ma túy, pháp luật hình sự Việt Nam viện dẫn nguyên tắc lãnh thổ là căn cứ đầu tiên để xác lập quyền tài phán của quốc gia. Tuy nhiên, cả Bộ luật hình sự năm

1985 và Bộ luật hình sự năm 1999 đều không đề cập vấn đề quyền tài phán trên lãnh thổ mở rộng. Mặc dù không được quy định trong luật nhưng trong khoa học pháp lý hình sự của Việt Nam, khái niệm “lãnh thổ mở rộng” đã được sử dụng và giống như các nước khác, nước ta cũng thực hiện quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện trên tàu bay và tàu biển mang cờ và quốc tịch của Việt Nam.⁽¹³⁾

Liên quan đến quyền tài phán trên lãnh thổ mở rộng, cần nhắc lại rằng theo pháp luật của một số nước, tàu biển có thể đăng kí ở một nước nhưng mang cờ của nước khác và tàu bay có thể đăng kí dưới dạng liên danh với đa quốc tịch. Điều này có thể dẫn đến tranh chấp về quyền tài phán về hình sự. Điều thú vị là, theo khoản 2 Điều 13 Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2005, chỉ có tàu biển của Việt Nam, nghĩa là tàu biển đăng kí theo pháp luật Việt Nam và đã được ghi vào sổ đăng kí tàu biển quốc gia hoặc tàu biển được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy phép tạm thời mới được mang cờ Việt Nam, những tàu biển đã đăng kí ở nước ngoài không được phép mang cờ Việt Nam trừ khi đăng kí cũ đã được tạm ngừng hoặc xóa.⁽¹⁴⁾ Như vậy, tàu biển mang cờ Việt Nam không thể đồng thời có quốc tịch nước ngoài. Với các quy định này, nguy cơ tranh chấp về quyền tài phán đã bị loại trừ và chỉ có Việt Nam là nước sẽ có quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện trên tàu biển mang cờ Việt Nam. Ngoài ra, theo khoản 2 Điều 13 Luật hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, chỉ có tàu bay chưa mang quốc tịch của bất kì quốc gia nào hoặc đã xóa quốc tịch nước ngoài mới được xem xét đăng kí quốc tịch

Việt Nam. Như vậy, giống như các quy định của luật hàng hải, các quy định hiện hành của luật hàng không dân dụng nước ta cũng loại trừ khả năng tranh chấp về quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.

4.2. Quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện ngoài lãnh thổ quốc gia

Dựa trên quan hệ chính trị - pháp lý giữa quốc gia và công dân, khoản 1 Điều 6 Bộ luật hình sự năm 1999 khẳng định quyền tài phán của Việt Nam đối với tội phạm thực hiện bởi công dân Việt Nam bên ngoài lãnh thổ quốc gia. Tuy nhiên, khác với tính chất tuyệt đối của nguyên tắc lãnh thổ, việc xác lập và thực hiện quyền tài phán đối với tội phạm trên nguyên tắc quốc tịch có tính chất linh hoạt, mềm dẻo; nghĩa là công dân Việt Nam phạm tội bên ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại Việt Nam.⁽¹⁵⁾ Ngoài ra, theo khoản 1 Điều 6 Bộ luật hình sự năm 1999, người không có quốc tịch thường trú tại Việt Nam cũng có thể bị truy cứu và xét xử tại Việt Nam. Quy định này của pháp luật hình sự Việt Nam phù hợp với quy định tại Điều 4(1)(b)(i) Công ước năm 1988.⁽¹⁶⁾

Như vậy, so sánh với các căn cứ xác lập quyền tài phán đối với tội phạm về ma túy quy định tại Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp chất ma túy, chất hướng thần và tiền chất năm 1988; Việt Nam không truy tố và xét xử hành vi phạm tội thực hiện bởi người nước ngoài bên ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng nhằm mục đích thực hiện tội phạm về ma túy trên lãnh thổ Việt Nam. Pháp luật hình sự của nước ta cũng không đề cập quyền tài phán của Việt Nam

đối với tội phạm về ma túy thực hiện trên tàu không có quốc tịch hoặc tàu mang cờ nước ngoài đi lại tự do trên biển cả khi Việt Nam là nước đầu tiên phát hiện ra tội phạm và quốc gia mà tàu mang cờ thỏa thuận để Việt Nam thực hiện quyền tài phán đối với tội phạm. Như phân tích ở trên, các quy định đã nêu của Công ước năm 1988 không có tính chất bắt buộc, các quốc gia có quyền lựa chọn giữa việc áp dụng hoặc không áp dụng; vì vậy các quy định hiện hành của pháp luật nước ta về quyền tài phán đối với tội phạm được coi là đáp ứng các yêu cầu của Công ước năm 1988. Tuy nhiên, để đấu tranh triệt để với tội phạm về ma túy, chúng tôi thiết nghĩ pháp luật hình sự nước ta cần cho phép các cơ quan có thẩm quyền của chúng ta được xác lập và thực hiện quyền tài phán đối với các hành vi phạm tội thực hiện bởi người nước ngoài, ở ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng nhằm thực hiện một tội phạm trên lãnh thổ Việt Nam.

Mặt khác, nước ta có phía Đông tiếp giáp với biển cả, lại nằm gần Tam giác vàng⁽¹⁷⁾ nên theo báo cáo của Ủy ban quốc tế kiểm soát ma túy (International Narcotics Control Board) Việt Nam đã trở thành một trong những điểm trung chuyển ma túy. Ma túy từ Tam giác vàng có thể được vận chuyển đường bộ qua biên giới Lào, Trung Quốc vào Việt Nam, sau đó đưa xuống tàu để đi đến các nước châu Âu, Úc và Mỹ.⁽¹⁸⁾ Với đặc điểm này, các nhà làm luật nên xem xét việc cho phép tòa án của chúng ta được thực hiện quyền tài phán đối với tội phạm ma túy thực hiện trên các tàu nước ngoài mà cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng đầu tiên phát hiện và bắt giữ trên cơ sở thỏa thuận với quốc gia tàu mang cờ. Như phân tích ở trên,

đây là một trong những căn cứ xác lập quyền tài phán được quy định tại Điều 4(1)(b)(ii) của Công ước năm 1988./

(1). Từ năm 1997, Việt Nam đã là thành viên của các công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy (xem Quyết định 798/QĐ-CTN ngày 01/09/1997 của Chủ tịch nước về việc tham gia 3 công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy).

(2). Xem: Neil Boister, *Penal Aspects of the Un Drug Conventions* (Nxb. Kluwer Law International, London, 2001) tr. 216 và “*Bình luận về công ước chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988 của Liên hợp quốc*” (Nxb. Liên hợp quốc, New York, 1998) tr. 432.

(3). Xem: Câu mở đầu của Điều 36(2)(a) Công ước 1961.

(4). Xem: Neil Boister, sđd, tr. 215-6.

(5). Xem: Neil Boister, sđd, tr. 217.

(6). Xem: Điều 36(4) Công ước 1961.

(7). Xem: Điều 4(1) Công ước 1988.

(8). Xem: Điều 4(1)(a)(ii) Công ước 1988.

(9). Xem: Điều 4(1)(a) Công ước 1988.

(10). Xem: Sataya Deva Bedi, *Extradition in International Law and Practice* (NXB: Dennis & Co, INC, 1968) tr. 97 và Gilmore C William, *Combating International Drugs Trafficking: The 1988 United Nations Convention Against Illicit Traffic in Narcotic Drugs and Psychotropic Substances* (Nxb: Commonwealth Secretariat, Marlborough House, London, 1991) tr. 11.

(11). Cũng cần phải nói rằng một điểm đáng tiếc của Điều 4(1)(b)(ii) là không đề cập việc xác lập quyền tài phán của quốc gia đối với tội phạm thực hiện trên những tàu biển không có quốc tịch (stateless vessels). Xem: *Bình luận về công ước chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988 của Liên hợp quốc*, sđd, tr. 110 và Neil Boister, sđd, tr. 244. Theo quan điểm của một số tác giả, bất cứ quốc gia nào phát hiện ra tàu biển không có quốc tịch đang đi lại tự do trên biển cả tham gia vào hoạt động phạm tội đều có thể xác lập quyền tài phán đối với tội phạm thực hiện trên tàu. Ví dụ: xem M C Bassiouni, ‘*International Drug Control System*’ trong quyển *International Criminal Law* do Cherrif M Bassiouni,

dẫn độ tội phạm: Luật pháp và thực tiễn áp dụng ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (Nxb. Transnational Publishers, New York, 2002) tr. 335.

(12). Xem: Khoản 1 Điều 5 Bộ luật hình sự năm 1999.

(13). Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam*” (Nxb. Công an nhân dân, năm 2001) tr. 25.

(14). Xem: Điểm b khoản 1 Điều 14 Bộ luật hàng hải năm 2005.

(15). Xem: Khoản 1 Điều 6 Bộ luật hình sự năm 1999.

(16). Ngoài ra, theo khoản 2 Điều 6 Bộ luật hình sự năm 1999, trong một số trường hợp, Việt Nam cũng có thể thực hiện quyền tài phán đối với người nước ngoài phạm tội ở ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng đối với một số tội phạm quốc tế. Ví dụ: Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược (Điều 341), tội chống loài người (Điều 342), tội phạm chiến tranh (Điều 343) và tội tuyển mộ lính đánh thuê, tội làm lính đánh thuê (Điều 344). Nói cách khác, Việt Nam không truy tố và xét xử tội phạm liên quan đến ma túy thực hiện bởi người nước ngoài ở ngoài lãnh thổ Việt Nam.

(17). Trên thế giới có hai “trung tâm” ma túy, đó là Tam giác vàng gồm Myanmar, Lào, Thái Lan và Lưỡi liềm vàng gồm Afganistan, Pakistan và Iran. Trước đây, Myanmar là nước dẫn đầu về sản xuất thuốc phiện nhưng hiện nay Afganistan đã trở thành nước dẫn đầu.

(18). Xem International Narcotics Control Board, *Report of the International Narcotics Control Board for 2005* (2006) [473] <http://www.incb.org/pdf/e/ar/2005/incb_report_2005_full.pdf> at 20 March 2006; International Narcotics Control Board, *Report of the International Narcotics Control Board for 2002* (2003) [375] <http://www.incb.org/pdf/e/ar/2002/incb_report_2002_3_asia.pdf> at 18 August 2005; International Narcotics Control Board, *Report of the International Narcotics Control Board for 2000* (2001) [328] <http://www.incb.org/pdf/e/ar/2000/incb_report_2000_3_asia.pdf> at 18 August 2005, and International Narcotics Control Board, *Report of the International Narcotics Control Board for 1998* (1999) [316] <http://www.incb.org/incb/en/annual_report_1998_chapter3.html#IIIC1> at 18 August 2005.